

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 24/02/2020

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD2+BK4+TD3	7:25	7+6+9	0+0+0		6+7+9	0+0+0	
2		TD5+P2+BK5	7:25	21+1+0	0+0+0		14+6+2	0+0+0	
3		P9+P11+P10	7:25	14+5+3	0+0+0		10+4+8	0+0+0	
4		P9+BK10+TD3	9:25	9+7+6	0+0+0		6+7+9	0+0+0	
5		P2+RP2	9:25	3+18+1	0+0+0		0+19+3	0+0+0	
6		P10+BK6+P1	9:25	22+0	0+0		17+3	0+0	
7		BK3+P8+P9	11:25	11+0+9	0+0+0		6+0+11	0+0+0	CHUYỂN 4 P8-P9

TPBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:31
FLIGHT: 1	TO: TD2 - BK4 - TD3	CREW: Vận - Linh - Huy	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	WATCHARA AMARTAYAKUL	TD2	85-86	2	20	62	98	BAKER HU	Thailand
2	NGUYỄN THÊ HANH	TD2	89	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN TẤT THANH	TD2	87	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐỨC TÙNG	TD2	99,48	2	8		69	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN THANH CÔNG	TD2					63	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐÌNH THĂNG	TD2	84	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
7	IVANOV	TD2	83	1	5		120	KH-THAC	Russian
8	NGUYỄN TIỀN DŨNG	BK4				50	74	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ BA TUÂN	BK4	96-97	2	15		62	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN TIỀN	BK4	98	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN SÁCH ĐƠN	BK4	94	1	9		60	KH-THAC	Vietnamese
12	NGO HOANG NAM	BK4	600	1	10		73	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM XUAN MẠNH	BK4	95	1	2		65	PSV	Vietnamese
14	OLEYNIK IVAN	TD3	42	1	3	15	73	KHOAN	Russian
15	DANG CONG THINH	TD3	41	1	10		78	KHOAN	Vietnamese
16	TRẦN HỮU THỌ	TD3	36	1	4		73	KHOAN	Vietnamese
17	LÊ VĂN KHOA	TD3	40	1	4		69	KHOAN	Vietnamese
18	VŨ TIỀN DŨNG	TD3					67	KHOAN	Vietnamese
19	HOÀNG PHẠM NGỌC VŨ	TD3	37	1	3		99	KHOAN	Vietnamese
20	PHẠM HÙNG DƯƠNG	TD3	38	1	2		95	KHOAN	Vietnamese
21	TRẦN MẠNH HÙNG	TD3	39	1	3		71	KHOAN	Vietnamese
22	HUYNNH AI HỮU	TD3	35	1	4		80	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	7	8	47	548	62	6		
2	BK4	6	6	39	414	50	7		
3	TD3	9	8	33	705	15	9		
TOTAL		22	22	119	1.667	127	22		
WEIGHT KG				119	1.667	127			

GRAND TOAL: 1.913 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 24/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	TO: TD5 - P2 - BK5	CREW: VThắng - Thanh - HIẾU	ETA: 09:15
cam-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	UVAISHOV A.X	TD5					100	KHOAN	Russian
2	ĐINH VĂN SỰ	TD5				160	70	KHOAN	Vietnamese
3	LE VAN HIEN	TD5	12	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
4	PHẠM VĂN KHOAN-PVD	TD5	14	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN DUY KHÁNH	TD5					80	KHOAN	Vietnamese
6	HOÀNG NHẬT QUANG	TD5	08	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN MINH HIẾU	TD5	06	1	7		85	KHOAN	Vietnamese
8	CAO XUÂN CUÔNG*PK-PVD	TD5	15	1	10		75	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN XUÂN ĐÔNG	TD5	10	1	6		60	KHOAN	Vietnamese
10	VŨ HỮU KÊ	TD5	99,700	2	10		82	KHOAN	Vietnamese
11	VI HÙNG CUÔNG	TD5	13	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
12	LÂM VĂN HẠNH	TD5	09	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
13	TRẦN THUẬN VŨ	TD5	07	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
14	NG BAO TRUNG ANH	TD5	11	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
15	ĐỖ HOÀI THANH	TD5	18-19	2	15		75	DVL	Vietnamese
16	VŨ HỮU TÂN	TD5	05	1	5		78	DVL	Vietnamese
17	NGUYỄN TRỌNG MẠO	TD5	04	1	12		80	BAKER HU	Vietnamese
18	PHẠM PHÚ QUỐC	TD5	02-03	2	17		80	BAKER HU	Vietnamese
19	GIANG HỒNG SƠN	TD5	98,01	2	12		70	BAKER HU	Vietnamese
20	MAKROD KUNAKOM	TD5	20-21	2	17		90	BAKER HU	Thailand
21	KITTIPONG TORCHEEP	TD5	16-17	2	10		70	BAKER HU	Thailand
22	KHÔNG TIỀN DŨNG	P2	85	1	5		76	PVGAS	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	21	24	156	1.596	160	14		
2	P2	1	1	5	76	0	6		
3	BK5	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		22	25	161	1.672	160	22		
WEIGHT KG				161	1.672	160			

GRAND TOAL: 1.993 KGS

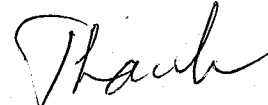
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	TO: P9 - P11 - P10	CREW: Khang - CHIẾN - Luy	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	POPOV	P9	51	1	5		72	KH-THAC	Russian
2	KRAPIVKA	P9	54	1	3		92	KH-THAC	Russian
3	AYAKIAN	P9					95	KH-THAC	Russian
4	VASIANKIN	P9	52-53	2	10		125	KH-THAC	Russian
5	PHẠM ĐỨC BÌNH	P9	48	1	10	10	70	KH-THAC	Vietnamese
6	IAKIMIDI	P9	45	1	10	12	100	KH-THAC	Russian
7	NGUYỄN XUÂN HOANG	P9	50	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ MINH THUY	P9	47	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN BA KY	P9					80	KH-THAC	Vietnamese
10	VÔ VĂN THOAI	P9	46	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
11	BUI NGOC THAN	P9					75	KH-THAC	Vietnamese
12	NGO AN CHUNG	P9	44	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐẠO THIÊN THUẬT	P9	43	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN CAO CHI	P9	55	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN TRUNG HAI	P11	24	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ VIỆT DŨNG	P11	99	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
17	LƯƠNG XUÂN THAI	P11	23	1	5	60	72	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN QUANG PHÚ	P11	02	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM HỒNG ĐIỀN	P11	01	1	5		67	PSV	Vietnamese
20	TRẦN VINH PHƯƠNG	P10	33	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
21	SYSTEROV ROMAN	P10	30-31	2	15	35	80	KH-THAC	Russian
22	NGUYỄN ĐỨC PHÚC	P10	32	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	14	12	67	1.123	22	10		
2	P11	5	5	24	339	60	4		
3	P10	3	4	29	215	35	8		
TOTAL		22	21	120	1.677	117	22		
WEIGHT KG				120	1.677	117			

GRAND TOAL: 1.914 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 24/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:40
FLIGHT: 4	TO: P9 - BK10 - TD3	CREW: Vậ - Linh - Huy	ETA: 11:20
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN HÀ	P9	58	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ MINH THUY	P9					75	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VIỆT CUONG	P9	63	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VIỆT THẮNG	P9					65	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN VĂN DŨNG	P9	59	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN VĂN BĂNG	P9	62	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN NGỌC LƯỢNG	P9	60	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
8	HỒ SỸ BÌNH	P9	57	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ NGỌC THANH	P9	61	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN DUY NGỌC	BK10	01	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ THANH HAI	BK10	06	1	10		60	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN CÔNG TÂN	BK10	02	1	5	80	85	KH-THAC	Vietnamese
13	VŨ XUÂN THUY	BK10	04	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
14	NGÔ TUẤN HÙNG	BK10	05	1	5		52	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAN CÔNG THANH	BK10	16,35	2	10		76	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN THANH SƠN	BK10	03	1	4		75	PSV	Vietnamese
17	VŨ LONG PHI	TD3	44	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN HUY THAI	TD3					70	KHOAN	Vietnamese
19	LÊ VĂN NGHĨA	TD3	45	1	5		69	KHOAN	Vietnamese
20	PHẠM VIỆT DŨNG	TD3	46-47	2	10	55	70	KHOAN	Vietnamese
21	NGÔ THANH SƠN	TD3	49	1	7		75	DVL	Vietnamese
22	NGÔ TRÍ HOÀNG	TD3	48	1	6		62	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	9	7	35	601	0	6		
2	BK10	7	8	47	483	80	7		
3	TD3	6	6	33	406	55	9		
TOTAL		22	21	115	1.490	135	22		
WEIGHT KG				115	1.490	135			

GRAND TOAL: 1.740 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 24/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:45
FLIGHT: 5	TO: P2 - RP2	CREW: VThắng - Thanh - HIẾU	ETA: 11:25
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KUSHENKO	P2	43	1	7	90	116	KHI	Russian
2	PONOMARENKO	P2	86	1	8		90	KHI	Russian
3	TRINH HOANG THEM	P2	87	1	4		68	KHI	Vietnamese
4	AFANASEV	P2	88	1	7		95	KH-THAC	Russian
5	CAO VAN ĐAU	P2	98	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐAO VAN ĐUC	P2	91	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
7	VU CONG KHANG	P2	44	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN THE ANH	P2	97	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
9	VU THANH LONG	P2	95	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
10	DUONG VAN THUAN	P2	09	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN QUOC TAN	P2					67	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN HUU PHI	P2					75	KH-THAC	Vietnamese
13	LE NGOC THANG	P2	92-93	2	18		84	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAM SY HIỆP	P2	90	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN CHI HUONG	P2	89	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐAO QUANG THIET	P2	94	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN VAN ĐỘ	P2					65	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN XUAN THUY	P2	600	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAM NGOC QUY	P2	99	1	3		76	KH-THAC	Vietnamese
20	LE ANH VŨ	P2	96	1	13		80	KH-THAC	Vietnamese
21	PHAM HUY DINH	P2	45-46	2	15		58	T-TIN	Vietnamese
22	TRAN ĐUC KHANG	RP2	84	1	9	46	81	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	21	20	128	1.526	90	19		
2	RP2	1	1	9	81	46	3		
TOTAL		22	21	137	1.607	136	22		
WEIGHT KG				137	1.607	136			

GRAND TOAL: 1.880 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 24/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
FLIGHT: 6	TO: P10 - BK6 - P1	CREW: Khang - CHIẾN - Luy	ETA: 11:30
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM HUYNH VŨ	P10	58	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN BAO LAM	P10	48	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐÌNH HAI	P10	51	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN VĂN NAM	P10	63	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN ĐĂNG TUẤN	P10	57	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN HỮU TOÀN	P10	56	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM DUY QUANG	P10	55	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ NGỌC NGUYỄN	P10	52	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN ANH KHOA	P10	49	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ CHI HIỆU	P10					80	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM VĂN THUYẾT	P10	47	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN NGỌC TOÀN	P10	59	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
13	VŨ ĐÌNH CƯỜNG	P10	62	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN TOÀN	P10	61	1	5	13	56	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM NGỌC THANH	P10	53	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	P10	50	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN NAM	P10	44	1	5		91	KH-THAC	Vietnamese
18	TRƯƠNG VĂN MINH	P10					76	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM HIỆU LIÊM	P10	45-46	2	12		66	KH-THAC	Vietnamese
20	PHAN HỒNG LĨNH	P10	54	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ HOÀI THANH	P10	64-65	2	10		62	YTE	Vietnamese
22	NGUYỄN NGỌC TUẤN	P10	60	1	3		78	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	22	22	114	1.541	13	17		
2	BK6	0	0	0	0	55	3		
3	P1	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		22	22	114	1.541	68	21		
WEIGHT KG				114	1.541	68			

GRAND TOAL: 1.723 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 24/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 11:50
FLIGHT: 7	TO: BK3 - P8 - P9	CREW: Vận - MTuấn - Toan	ETA: 13:30
NAU-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN ĐỨC THIẾP	BK3	10	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
2	NGÔ ĐĂNG ĐỨC	BK3	05	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐOÀN KHẮC CÂN	BK3	13	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
4	HÀ VĂN TRUNG	BK3	01-02	2	17		82	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐẶNG TRỌNG THAO	BK3	40,50	2	16	80	72	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN QUANG THẮNG	BK3					74	KH-THAC	Vietnamese
7	PASHANOV	BK3	20	1	6		105	KH-THAC	Russian
8	CHULKOV	BK3	06	1	7		75	NIPI	Russian
9	NGUYỄN TIẾN DŨNG	BK3	09	1	4		66	NIPI	Vietnamese
10	POSPELOV	BK3	03	1	6		90	NIPI	Russian
11	TRẦN THỨC LỢI	BK3	11	1	5		62	D-HANH	Vietnamese
12	VU DUY KHUONG	BK3	04	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ QUY TOÀN	BK3	12	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN VĂN HAI	P9	65	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
15	THAI VĂN TUẤN	P9	68	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN TIẾN TÙNG	P9	74	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM ĐỨC TÀI	P9	69-71	3	15		62	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐỨC BÌNH	P9	64	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
19	CHU MINH HÙNG	P9	66	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
20	MISHIN	P9	72	1	5		100	NIPI	Russian
21	CHERNHIADEV	P9	73	1	5		72	NIPI	Russian
22	LÊ VĂN LỢI	P9	67	1	5		80	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK3	13	14	94	946	80	6		CHUYỂN 3 PAX P8 SANG P9
2	P8	0	0	0	0	0	0+3		
3	P9	9	11	54	685	0	11		
TOTAL		22	25	148	1.631	80	17		
WEIGHT KG				148	1.631	80			

GRAND TOTAL: 1.859 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 25/02/2020

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD1+BK10+BK14	7:25	22+0+0	0+0+0		14+0+6	0+0+0	CHUYEN 7 PAX BK10-BK14
2		TTCl+P8+BK3	7:25	8+13+1	0+0+0		5+10+7	0+0+0	
3		CLO+RC5+RP3	7:25	20+0+0	0+0+0		15+0+4	0+0+0	THAO 2 GHE
4		CTK3+P2+P8	7:25	2+6+12	0+0+0		2+1+16	0+0+0	CHUYEN 2 CTK3-P2
5		AMD+P5+P9	9:25	22+0+0	0+0+0		16+2+3	0+0+0	
6		HST+TGTH4+P6	9:25	2+3+17	0+0+0		1+4+17	0+0+0	
7		VSP01+BK16+GTCl	9:25	20+0+2	0+0+0		15+1+4	0+0+0	CHUYEN 2 BK16-GTCl
8		TD1+P6+TGTH5	11:25	4+13+4	0+0+0		0+15+2	0+0+0	
9		VSP01+JS2+RC4	11:25	21+1+0	0+0+0		12+4+2	0+0+0	
10		TD3+P2+TTCl2+TTCl	13:25	2+6+13+0	0+0+0+0		0+7+15+1	0+0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
ĐI VỀ TRONG NGÀY P2-6NG, TTCl-1NG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: TD1 - BK10 - BK14	CREW: Khang - Linh - Năm	ETA: 09:10
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỖ QUANG LỤC*TT	TD1	86	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
2	HA MINH TUÂN	TD1	77	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN TUYỀN	TD1	94	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN TIẾN DUNG	TD1	75-76	2	5		68	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN TUƠNG TỰ	TD1	82-83	2	12		80	KHOAN	Vietnamese
6	LAI ĐỨC LAM	TD1	80	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
7	TRẦN NGỌC THAI	TD1	88-89	2	7		80	KHOAN	Vietnamese
8	TRẦN DUY TÂN*TD-PVDT	TD1	90-91	2	12	65	70	KHOAN	Vietnamese
9	TRÌNH HỮU NGHĨA	TD1	96	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
10	LÊ VIỆT THÀNH	TD1	84-85	2	5		70	KHOAN	Vietnamese
11	LUONG TÂN HAI*MC-PVD	TD1	98	1	3		67	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN PHI HÙNG	TD1	79	1	7		90	KHOAN	Vietnamese
13	CU THANH NHAN-PVDT	TD1	81	1	4		60	KHOAN	Vietnamese
14	TRÌNH QUỐC KHÁNH	TD1	93	1	7		80	D-HANH	Vietnamese
15	TRẦN VĂN MẠNH	TD1	72-74	3	15		70	CODIEN	Vietnamese
16	ĐẶNG QUANG LỘC	TD1	62	1	7		65	CODIEN	Vietnamese
17	LÊ ANH TUÂN	TD1	500,71	2	8		70	CODIEN	Vietnamese
18	NIKITIN	TD1	95	1	7		93	ANTOAN	Russian
19	ĐỖ VĂN THAI	TD1	87	1	10		70	DVL	Vietnamese
20	TRẦN QUỐC HUONG	TD1	97	1	5		90	DVL	Vietnamese
21	PHẠM VĂN TƯƠNG	TD1	78	1	5		80	DVL	Vietnamese
22	PHẠM TÙNG VỸ	TD1	99	1	5		65	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	22	30	151	1.600	65	14		CHUYEN 07 PAX TU BK10 SANG BK14
2	BK10	0	0	0	0	0	0	17	
3	BK14	0	0	0	0	70	6		
TOTAL		22	30	151	1.600	135	20		
WEIGHT KG				151	1.600	135			

GRAND TOAL: 1.886 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 25/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	TO: TTC1 - P8 - BK3	CREW: Hạnh - Dương - N Nam	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LUU THE ANH	TTC1	01	1	4	30	70	KH-THAC	Vietnamese
2	TRAN TRUNG HIEU	TTC1	27	1	4		69	KH-THAC	Vietnamese
3	NINH QUOC HOI	TTC1	26	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN LINH HOAT	TTC1	28	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN SON TUNG	TTC1					75	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN XUAN THUONG	TTC1	24	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
7	HA XUAN THANH	TTC1	23	1	8		104	KH-THAC	Vietnamese
8	TO CONG TANH	TTC1	25	1	4		66	GETRACO	Vietnamese
9	LAZAREV	P8	31	1	10	10	81	KH-THAC	Russian
10	NGUYEN KIM SON	P8	30	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAN HAI VIET	P8	38	1	8		83	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN TRONG HOA	P8	26	1	6		73	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAM PHUONG NAM	P8	27	1	4		52	KH-THAC	Vietnamese
14	LE TRUONG SA	P8	32-33	2	17		66	KH-THAC	Vietnamese
15	TRAN QUANG HUY	P8	28	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN VAN NHAN	P8					64	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN DUC THANG	P8	36-37	2	12		69	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAN THANH NAM	P8	25	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
19	DAO TIEN DAT	P8	34-35	2	15		75	KH-THAC	Vietnamese
20	LE NGUYEN NHAT LINH	P8					91	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN QUOC TANH	P8	29	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
22	PHAM BA BINH	BK3	07	1	5	40	68	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC1	8	7	37	619	30	5		
2	P8	13	14	89	916	10	10		
3	BK3	1	1	5	68	40	7		
TOTAL		22	22	131	1.603	80	22		
WEIGHT KG				131	1.603	80			

GRAND TOAL: 1.814 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	TO: CLO - RC5 - RP3	CREW: Vậ - CHIẾN - MQUÂN	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BRATCHIKOV	CLO	96	1	8	20	95	KHOAN	Russian
2	TU QUỐC VIỆT	CLO	21	1	8		65	KHOAN	Vietnamese
3	PHẠM VĂN DUY	CLO	46-47	2	10		67	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN PHU VINH	CLO	92	1	6		60	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN VỊNH	CLO	43	1	8		72	KHOAN	Vietnamese
6	ĐẶNG DUY LÝ	CLO	48	1	4		66	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN PHỒN	CLO	51	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
8	HOÀNG VĂN SANG	CLO	50	1	5		57	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN CHÍ NGHIỆP	CLO	45	1	4		80	KHOAN	Vietnamese
10	LÊ VĂN TUẤN	CLO	97	1	5		71	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN LỤC-PVDT	CLO	95	1	8		57	KHOAN	Vietnamese
12	LÊ HỮU ĐẠT*TĐ-PVDT	CLO	98	1	10		72	KHOAN	Vietnamese
13	BUI TRƯỜNG SINH	CLO	94	1	6		72	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN THƯ	CLO	994-995	2	20		65	DVL	Vietnamese
15	VŨ HAI THẮNG	CLO	28	1	13		75	DVL	Vietnamese
16	NGUYỄN VINH KHA	CLO	900	1	15		70	DVL	Vietnamese
17	LÝ NHẬT TRƯỞNG	CLO	91	1	14		77	DVL	Vietnamese
18	LÀ MINH TU	CLO	93	1	13		56	DVL	Vietnamese
19	PHẠM XUÂN HUNG	CLO	99	1	10		67	DVL	Vietnamese
20	LÊ VĂN PHU	CLO	44	1	5		75	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	20	22	175	1.384	20	15		
2	RC5	0	0	0	0	73	0		
3	RP3	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		20	22	175	1.384	93	19		
WEIGHT KG				175	1.384	93			

GRAND TOAL: 1.652 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:50
FLIGHT: 04	TO: CTK3 - P2 - P8	CREW: Phong - VLin - Vũ	ETA: 09:30
TRANG-1A			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ QUANG HUY	CTK3	77-78	2	17		70	CODIEN	Vietnamese
2	PHAM HUU TUNG	CTK3				30	80	SAN BAY	Vietnamese
3	PEREKRESTOV	P2	15	1	5		102	D-HANH	Russian
4	PHAN KIM CUONG	P2	20	1	5		60	D-HANH	Vietnamese
5	SHEREMENTEV	P2	16	1	3		84	D-HANH	Russian
6	NGO MINH HAI	P2	18	1	5		72	D-HANH	Vietnamese
7	PHAM THANH LINH	P2	17	1	3		55	D-HANH	Vietnamese
8	LÊ XUÂN THẮNG	P2	19	1	10		73	D-HANH	Vietnamese
9	NGUYỄN TIẾN VŨ	P8	60	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
10	DUƠNG TRI NAM	P8					80	KH-THAC	Vietnamese
11	THAI QUÂN	P8	53	1	6		62	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VINH DŨNG	P8	56	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN ANH TRI	P8	50	1	8	20	65	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN TRI HUNG	P8	57	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐỖ VĂN MINH	P8	58	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
16	PHÙNG HÀ TÀI	P8	59	1	4		95	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐÀO NGUYỄN HUNG	P8	51	1	9		67	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM VĂN ĐÔNG	P8	54-55	2	18		83	YTE	Vietnamese
19	NGUYỄN PHÚC	P8	52	1	5		67	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	2	2	17	150	30	3	2	CHUYEN 2 PAX TU CTK3 SANG P2
2	P2	6	6	31	446	0	2		
3	P8	11	11	68	796	20	16		
TOTAL		19	19	116	1.392	50	21		
WEIGHT KG				116	1.392	50			

GRAND TOAL: 1.558 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:30
FLIGHT: 05	TO: AMD - P5 - P9	CREW: Khang - Linh - Năm	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ANTON VAN DER MERWE	AMD	49	1	8	100	95	BAB - VSP	S.African
2	NGUYEN THANH SANG	AMD	53	1	8		60	CTY HA V	Vietnamese
3	DUONG CHI PHONG	AMD	41	1	5		65	VSP	Vietnamese
4	ĐINH TRƯƠNG PHI	AMD	48	1	6		71	VSP	Vietnamese
5	PHAM VAN QUANG	AMD	40	1	6		71	VSP	Vietnamese
6	LÊ ANH MINH	AMD	54	1	5		66	VSP	Vietnamese
7	TRẦN ĐỨC TRUNG	AMD	44	1	5		56	VSP	Vietnamese
8	LÊ PHONG VIÊN (PVDT)	AMD	55	1	5		71	VSP	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN DÂN	AMD	56	1	7		61	VSP	Vietnamese
10	TRẦN ĐỨC CƯỜNG	AMD	50	1	6		66	VSP	Vietnamese
11	LÀ NGỌC MẠNH (PVDT)	AMD	42	1	6	25	60	VSP	Vietnamese
12	HOANG VAN SAU	AMD	800	1	5		60	VSP	Vietnamese
13	NGUYEN KHAC CHINH	AMD	43	1	4		61	VSP	Vietnamese
14	TRẦN VĂN THUY (PVDT)	AMD	67	1	5		75	VSP	Vietnamese
15	LÊ XUÂN HAI	AMD	46-47	2	15		70	VSP	Vietnamese
16	PHAM TUAN ANH	AMD	52	1	5		68	VSP	Vietnamese
17	LÊ HUU HA	AMD	45	1	7		71	VSP	Vietnamese
18	NGUYỄN MẠNH CÂN	AMD	51	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	18	19	113	1.213	125	16		
2	P5	0	0	0	0	0	2		
3	P9	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		18	19	113	1.213	125	21		
WEIGHT KG				113	1.213	125			

GRAND TOAL: 1.451 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 25/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:35
FLIGHT: 06	TO: HST - TGTH4 - P6	CREW: Hạnh - Dương - N.Nam	ETA: 11:15
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HY TAC SANG	HST	69-70	2	15		70	TLJOC	Vietnamese
2	NGUYEN LE HONG VU	HST	06	1	6		60	TLJOC	Vietnamese
3	NGO SI ĐỨC	TGTH4	86-87	2	17		80	HLJOC	Vietnamese
4	LE VAN TU	TGTH4	88	1	8	70	60	VSP	Vietnamese
5	NGUYEN DINH CU	TGTH4	89-90	2	17		65	VSP	Vietnamese
6	KIRICHENCO S.P	P6	72	1	5		75	KH-THAC	Russian
7	PIATOV S.V	P6	75	1	5		90	KH-THAC	Russian
8	VU VAN HOAN	P6	82	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
9	THAI TRỌNG BÌNH	P6	74	1	9		85	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐẶNG THỌ TÂM	P6	78	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
11	PHƯƠNG VĂN MINH	P6	79	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN HUU NHAN	P6				90	69	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN NHẬT THÀNH	P6	73	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
14	HÀ DUY ĐÔNG	P6	84	1	8		87	KH-THAC	Vietnamese
15	HOÀNG TIẾN DŨNG	P6	81	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐO VĂN TUNG	P6					60	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN HUY THAI	P6	76	1	5		79	KH-THAC	Vietnamese
18	BUI THUC PHUC	P6					67	KH-THAC	Vietnamese
19	HOANG THAI ANH	P6	77	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
20	DƯƠNG VĂN CƯỜNG	P6	80	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ QUANG MINH	P6					80	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐẶNG TRỌNG GIAO	P6	83	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	HST	2	3	21	130	0	1		
2	TGTH4	3	5	42	205	70	4		
3	P6	17	13	73	1.280	90	17		
TOTAL		22	21	136	1.615	160	22		
WEIGHT KG				136	1.615	160			

GRAND TOAL: 1.911 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 25/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:40
FLIGHT: 07	TO: VSP01 - BK16 - GTC1	CREW: Vận - CHIẾN - MQUÂN	ETA: 11:20
TRANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ROMANOV	VSP01	77	1	7		115	KH-THAC	Russian
2	TRUBOCHKIN	VSP01	75	1	13		77	KH-THAC	Russian
3	PHAM VAN DUC	VSP01	81	1	7		64	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN VĂN BÁC	VSP01	82	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN VĂN SƠN	VSP01	78	1	3	35	70	KH-THAC	Vietnamese
6	HOANG CAO TRI	VSP01	85-86	2	14		76	YTE	Vietnamese
7	NGUYỄN THANH TÙNG	VSP01	84	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
8	BORVINSKY	VSP01	76	1	7		85	KH-THAC	Russian
9	LÊ THANH TUÂN	VSP01	80	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN THANH	VSP01	88	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN ĐỨC THIÊN	VSP01	83	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN MANH TUÂN	VSP01	79	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
13	HOANG PHÚC LƯƠNG	VSP01					77	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐẶNG ĐỨC ANH	VSP01					70	KH-THAC	Vietnamese
15	TÔ HÙNG DŨNG	VSP01	90-91	2	18		80	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAN VĂN TRƯỞNG	VSP01	92	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
17	HUYNH HAI	VSP01	87	1	6		90	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAN THANH HÀ	VSP01					70	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN VĂN THUY	VSP01	89	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese
20	BUI DINH PHI	GTC1	11-12	2	15		64	NIPI	Vietnamese
21	LÊ VĂN LỢI	GTC1	14	1	8	18	52	T-TIN	Vietnamese
22	TRẦN HOANG TRIEU	GTC1	50	1	8	35	63	T-TIN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP01	19	18	114	1.424	35	15		CHUYEN 2 PAX BK16 SANG GTC1
2	BK16	0	0	0	0	30	1	2	
3	GTC1	3	4	31	179	53	4		
TOTAL		22	22	145	1.603	118	20		
WEIGHT KG				145	1.603	118			

GRAND TOAL: 1.866 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 25/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 11:30
FLIGHT: 08	TO: TD1 - P6 - TGTH5	CREW: Hòì - KHOÀN - Toàn	ETA: 13:10
HONG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DƯƠNG THẾ ĐỨC	TD1	69	1	11	20	70	DVL	Vietnamese
2	VŨ HOÀNG TÂN	TD1	62-63	2	21	60	92	DVL	Vietnamese
3	CAO KINH THAO	TD1	61	1	12		70	T-TIN	Vietnamese
4	TRƯƠNG QUANG TUU	TD1	57	1	7	22	70	T-TIN	Vietnamese
5	ZHDANOV	TD1	56	1	13		120	KHOÀN	Russian
6	TRẦN BUI TOÀN	P6	01	1	5	10	58	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ QUANG HUY	P6	900	1	8		67	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN HÙNG	P6	801-802	2	8		60	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN XUÂN KHANH	P6	199	1	3		62	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN HỒNG THANH	P6	92	1	14		72	XAYLAP	Vietnamese
11	TRẦN ĐỨC TOÀN	P6	95-96	2	12		62	XAYLAP	Vietnamese
12	CỦ VIỆT LONG	P6	97	1	14		70	XAYLAP	Vietnamese
13	TÀ QUỐC CHÍNH	P6	98-99	2	25		75	XAYLAP	Vietnamese
14	TRẦN VĂN HANH	P6	100,198	2	18		60	XAYLAP	Vietnamese
15	LA VĂN ĐỨC	P6	5000,200	2	18		60	XAYLAP	Vietnamese
16	TRẦN VĂN CHIÊU	P6	90	1	10		61	XAYLAP	Vietnamese
17	LÊ TRỌNG TUẤN	P6	91	1	10		73	XAYLAP	Vietnamese
18	TRẦN VINH QUANG	P6	93-94	2	10		70	YTE	Vietnamese
19	NGUYỄN HỮU LUẬT	TGTH5	71-72	2	10		69	HLJOC	Vietnamese
20	LÊ HUY HOANG	TGTH5	73	1	5		70	HLJOC	Vietnamese
21	ĐẶNG QUANG ĐỨC	TGTH5	52	1	7		72	VSP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	5	6	64	422	102	0		
2	P6	13	19	155	850	10	15		
3	TGTH5	3	4	22	211	0	2		
TOTAL		21	29	241	1.483	112	17		
WEIGHT KG				241	1.483	112			

GRAND TOAL: 1.836 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 25/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 11:35
FLIGHT: 09	TO: VSP01 - JS2 - RC4	CREW: Hạnh - Dương - Huy	ETA: 13:15
VANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN TRONG NAM	VSP01	92	1	8		85	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐO ĐÌNH VĂN	VSP01					70	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN DUY ĐÔNG	VSP01	94	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN THANH LỢI	VSP01	97	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
5	TRAN VAN CHAU	VSP01	93	1	2		60	YTE	Vietnamese
6	ĐÌNH ĐOÀN TÙNG	VSP01					61	PSV	Vietnamese
7	MAI THANH TUÂN	VSP01	06	1	10		61	CTY LONG	Vietnamese
8	TRƯƠNG HOÀI PHONG	VSP01	600	1	7		72	CTY LONG	Vietnamese
9	PHÙNG TÂN KHAI	VSP01	03	1	5		69	CTY LONG	Vietnamese
10	NGUYEN TRIEU VU	VSP01	12	1	4		73	CTY LONG	Vietnamese
11	NGUYEN TRUNG BẢNG	VSP01	01	1	5		71	CTY LONG	Vietnamese
12	ĐOÀN NHẬT LUÂN	VSP01	10	1	9		65	CTY LONG	Vietnamese
13	BUI THANH GIANG	VSP01	09	1	3		64	CTY LONG	Vietnamese
14	PHẠM VĂN SANG	VSP01	02	1	5		60	CTY LONG	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN KHA	VSP01					75	LONG VU	Vietnamese
16	LÊ VĂN HOA	VSP01	11	1	10		61	LONG VU	Vietnamese
17	LÊ VĂN HAI	VSP01	04-05	2	16		61	LONG VU	Vietnamese
18	ĐÌNH HỒNG NHÂN	VSP01	95	1	5		55	LONG VU	Vietnamese
19	PHẠM VĂN MÃN	VSP01	96	1	9		57	LONG VU	Vietnamese
20	PAN KÊ PHÚC	VSP01	07-08	2	11		65	LONG VU	Vietnamese
21	HUYNH TÂN DUNG	VSP01	98-99	2	9		90	KH-THAC	Vietnamese
22	LƯƠNG THÈ HIÊN	JS2	66	1	5	80	65	NIPI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP01	21	21	127	1.427	0	12		
2	JS2	1	1	5	65	80	4		
3	RC4	0	0	0	0	26	2		
TOTAL		22	22	132	1.492	106	18		
WEIGHT KG				132	1.492	106			

GRAND TOAL: 1.730 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 25/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 13:30
FLIGHT: 10	TO: TD3 - P2 - TTC2 - TTC1	CREW: Hồi - KHOÀN - Toan	ETA: 15:30
CAM-4			

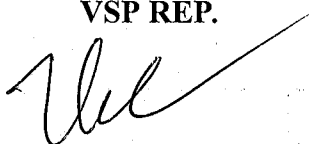
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	CHOTIPUN ANGOON	TD3	53-54	2	15		68	XAYLAP	Thailand
2	NGUYEN XUAN TRUONG	TD3	55-56	2	8		60	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYEN VAN TINH	P2	19	1	7	20	75	CODIEN	Vietnamese
4	CHU VAN THIET	P2	21	1	7		65	LILAMA18	Vietnamese
5	PHAM BA LAM	P2	22	1	8		58	LILAMA18	Vietnamese
6	NGUYEN CONG HUY	P2	23	1	5		62	LILAMA18	Vietnamese
7	TRAN QUOC TOAN	P2	20	1	5	28	80	LILAMA18	Vietnamese
8	PHUNG MINH HIEU	TTC2	76	1	4		78	KH-THAC	Vietnamese
9	JAROONPIPATKUL	TTC2	680-681	2	18		80	D-HANH	Thailand
10	TRAN BAO NGUYEN	TTC2	64-65	2	17		65	D-HANH	Vietnamese
11	NGUYEN THAC HOAI PHUONG	TTC2	75	1	8	105	78	D-HANH	Vietnamese
12	LUONG VAN PHO	TTC2	678	1	8		62	D-HANH	Vietnamese
13	NGUYEN NGOC XUAN	TTC2	73-74	2	10		55	KH-THAC	Vietnamese
14	LE PHUONG	TTC2	80-81	2	8		52	KH-THAC	Vietnamese
15	LUU VAN AN	TTC2	66	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
16	VU NGOC TU	TTC2	77	1	15		70	KH-THAC	Vietnamese
17	HO NGOC BEN	TTC2	72	1	18		75	KH-THAC	Vietnamese
18	TRAN VAN CHANH	TTC2	78	1	14		62	KH-THAC	Vietnamese
19	STUDENIKIN	TTC2	677,79	2	10		78	NIPI	Russian
20	TRAN TRUNG KIEN	TTC2	67	1	7		71	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

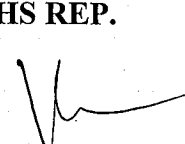
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	2	4	23	128	0	0		
2	P2	5	5	32	340	48	6		
3	TTC2	13	18	142	894	105	15		
4	TTC1	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		20	27	197	1.362	153	22		
WEIGHT KG				197	1.362	153			

GRAND TOAL: 1.712 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN

